CTCP Licogi 13 (HNX: LIG)

FireAnt

Ngày 31/12/2025	4,100 VNĐ		
	1 tháng	3 tháng	6 tháng
Thay đổi	-6.8%	-18.0%	20.6%

ROE (2025): 1.6% | +/- YoY ▲ 1.4%

DT thuần (Q4/25): 1,282 tỷ VNĐ | QoQ ▲ 51.0 ▲ 4.1% | YoY ▼ 184 ▼ 12.6%

DT thuần (2025): 4,662 tỷ VNĐ | YoY ▲ 967 ▲ 26.2%

LN gộp (Q4/25): 53.2 tỷ VNĐ | QoQ ▼ 7.20 ▼ 11.9% | YoY ▲ 17.2 ▲ 47.9%

LN gộp (2025): 205 tỷ VNĐ | YoY ▲ 89.0 ▲ 77.1%

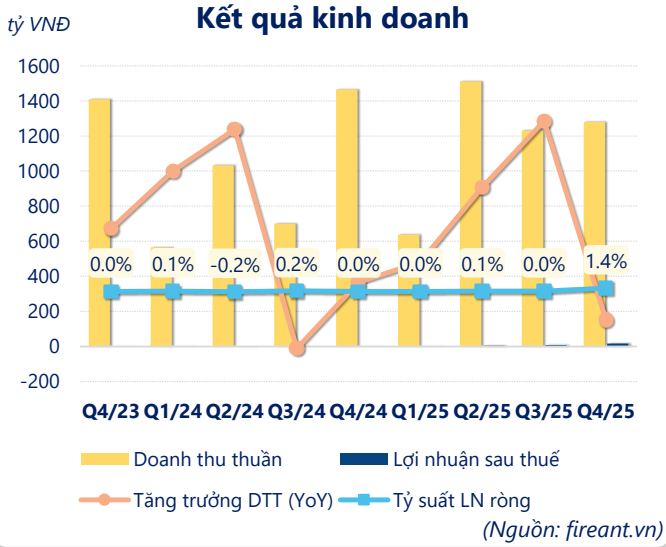
LN thuần (Q4/25): 35.9 tỷ VNĐ | QoQ ▲ 25.2 ▲ 235% | YoY ▲ 30.2 ▲ 530%

LN thuần (2025): 55.8 tỷ VNĐ | YoY ▲ 40.2 ▲ 257%

LN sau thuế (Q4/25): 17.4 tỷ VNĐ | QoQ ▲ 9.32 ▲ 115% | YoY ▲ 16.2 ▲ 1349%

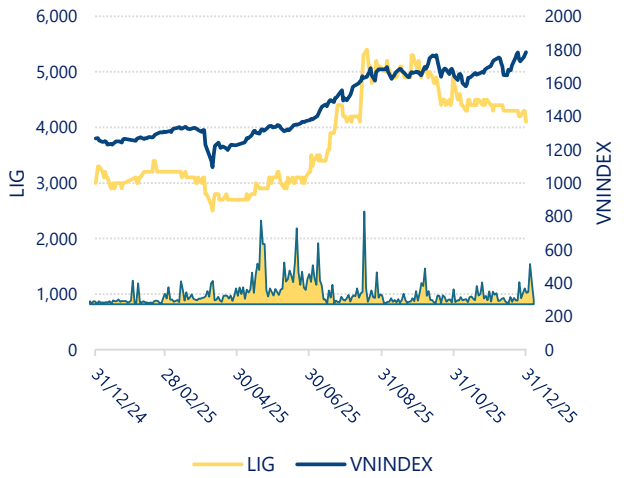
LN sau thuế (2025): 30.9 tỷ VNĐ | YoY ▲ 24.8 ▲ 410%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

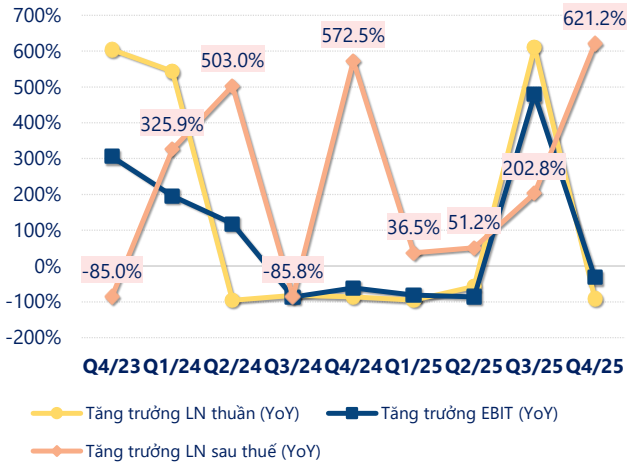
Lịch sử giá



CTCP Licogi 13 (HNX: LIG)

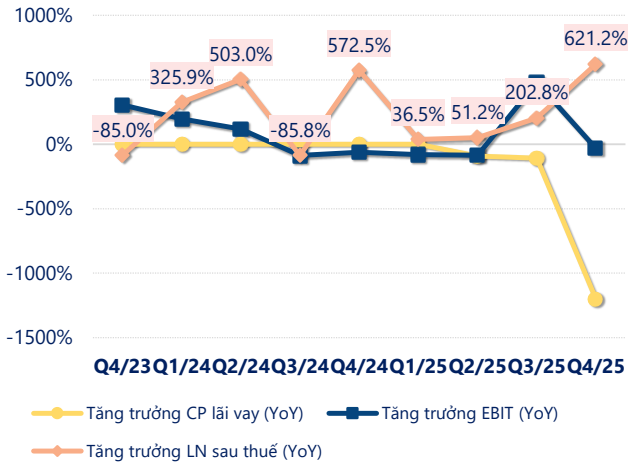
FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận



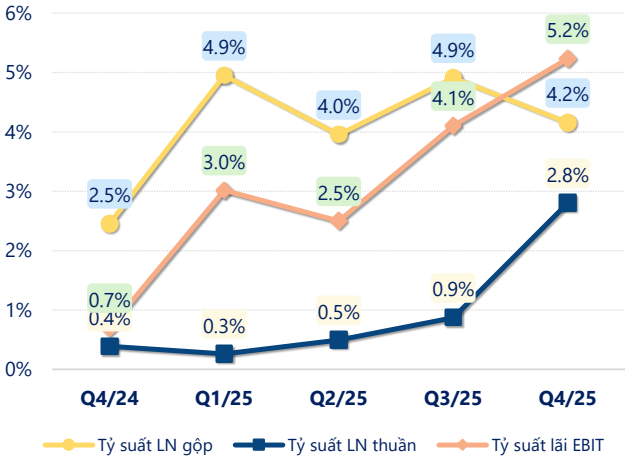
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



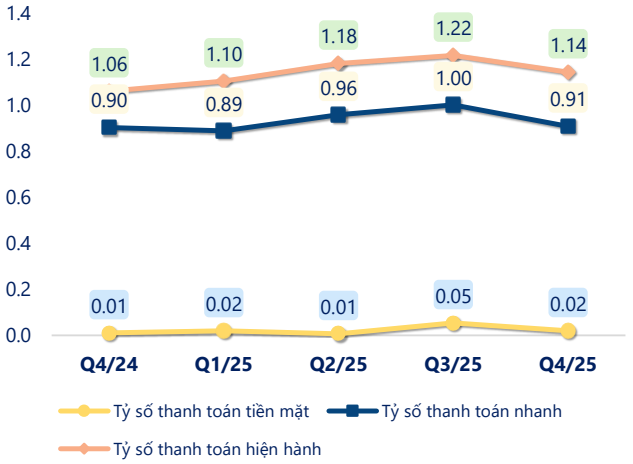
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



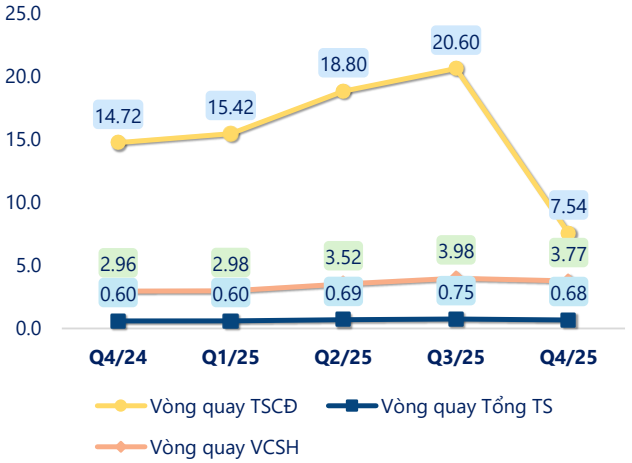
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



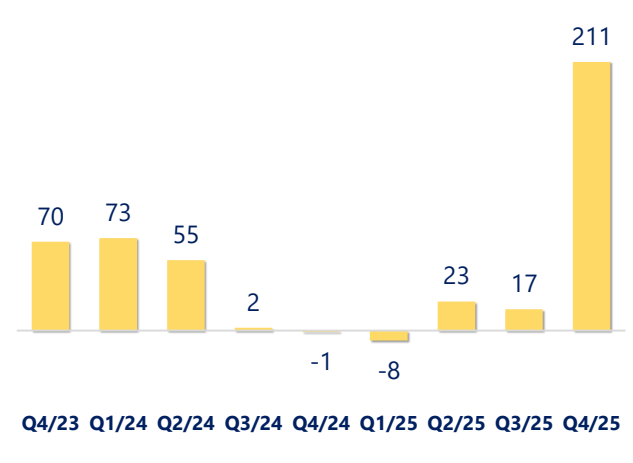
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

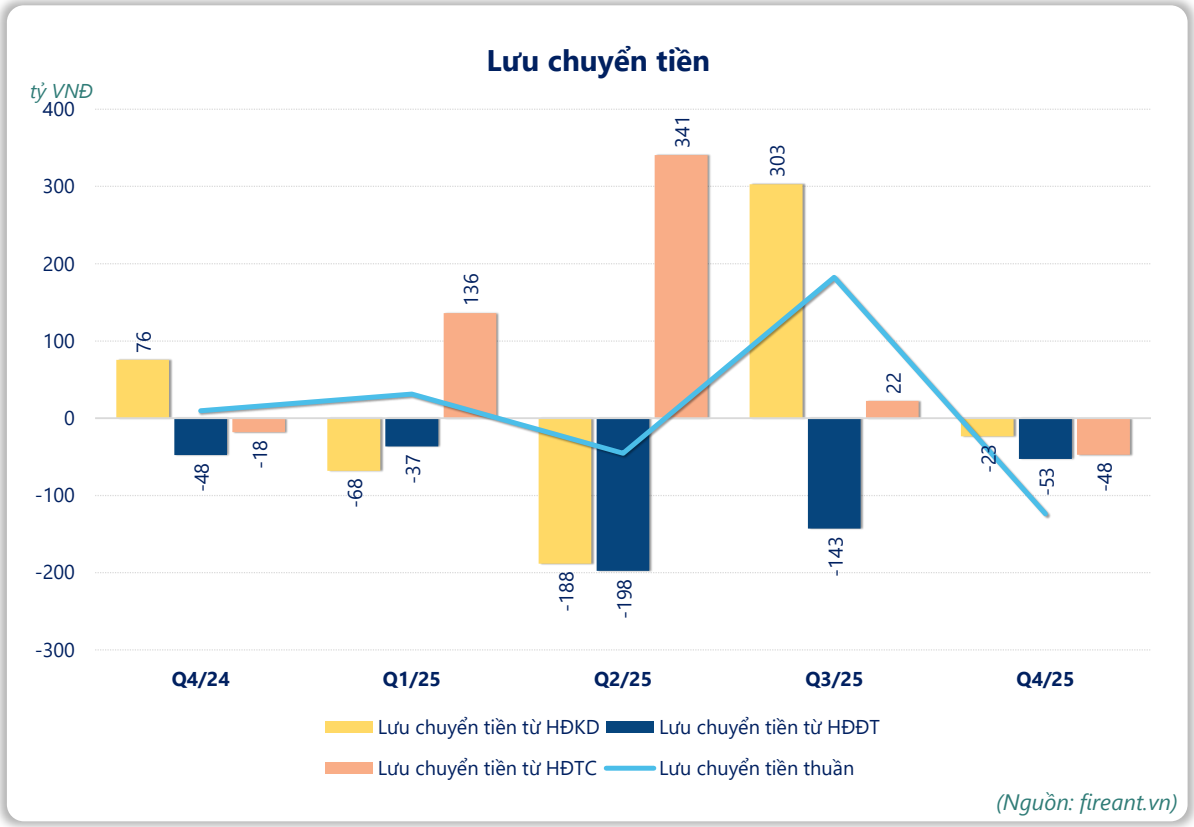


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Licogi 13 (HNX: LIG)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,282**	**1,466**	**-12.6%**	**4,662**	**3,695**	**26.2%**
Giá vốn hàng bán	1,228	1,430	-14.1%	4,457	3,579	24.5%
Lợi nhuận gộp	53.2	36.0	47.9%	205	116	77.1%
Doanh thu HĐTC	78.6	4.56	1623%	93.4	70.6	32.2%
Chi phí TC	68.2	2.42	2718%	158	104	51.7%
Chi phí lãi vay	33.0	6.77	387%	123	52.0	137%
LN trong công ty LKLD	**-0.39**	**0.04**	**-1068%**	**-0.39**	**6.34**	**-106%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**27.3**	**32.5**	**-16.0%**	**83.8**	**72.6**	**15.4%**
LN thuần từ HĐKD	35.9	5.70	530%	55.8	15.6	257%
Lợi nhuận khác	**-1.83**	**-2.18**	**16.1%**	**-4.39**	**-4.38**	**-0.2%**
LN trước thuế	34.1	3.52	868%	51.4	11.2	357%
Lợi nhuận sau thuế	**17.4**	**1.20**	**1349%**	**30.9**	**6.06**	**410%**
LNST của CĐ cty mẹ	**18.1**	**-0.25**	**7332%**	**19.9**	**2.09**	**854%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)